

vàng. Song song làm mẫu trắng. 1 ml dung dịch bạc nitrat 0,1 N (C'D) tương đương với 91,48 mg amygdalin.

Chế phẩm phải chứa hàm lượng amygdalin từ 0,65 % đến 0,79 %.

Bảo quản

Trong đồ đựng nút kín, để nơi khô mát.

Công năng, chủ trị

Sơ phong thanh nhiệt, tuyên phế chi khái. Chủ trị: Thái âm phế tý phong ôn, ho, cảm cúm, viêm phế quản, viêm đường hô hấp trên, miệng ho khan.

Cách dùng, liều lượng

Người lớn ngày uống 2 lần mỗi lần 25 ml.

Trẻ em tùy theo tuổi.

ĐỘC HOẠT KÝ SINH THANG**Thuốc sắc Độc hoạt ký sinh****Công thức**

Độc hoạt (<i>Angelicae pubescentis Radix</i>)	12 g
Quế chi (<i>Cinnamomi Ramulus</i>)	8 g
Phòng phong (<i>Saposhnikovia divaricatae Radix</i>)	8 g
Đương quy (<i>Angelicae sinensis Radix</i>)	8 g
Tế tân (<i>Asari Radix et Rhizoma</i>)	8 g
Xuyên khung (<i>Ligustici wallichii Rhizoma</i>)	8 g
Tần giao (<i>Gentianae macrophyllae Radix</i>)	8 g
Bạch thược (<i>Paeoniae Radix Alba</i>)	8 g
Tang ký sinh (<i>Loranthi paracitici Herba</i>)	8 g
Thục địa (<i>Rehmanniae glutinosae Radix Praeparata</i>)	8 g
Đỗ trọng chích muối (<i>Eucommiae Cortex Praeparatus</i>)	8 g
Nhân sâm (<i>Ginseng Rhizoma et Radix</i>)	8 g
Ngưu tất (<i>Achysanthis bidentatae Radix</i>)	8 g
Phục linh (<i>Poria</i>)	8 g
Cam thảo (<i>Glycyrrhizae Radix et Rhizoma</i>)	8 g

Bào chế

Các vị thuốc được chế và thái phiến, làm khô theo chuyên luận riêng.

Chế phẩm phải đáp ứng yêu cầu trong chuyên luận “Thuốc thang” (Phụ lục 1.23) và các yêu cầu sau:

Tính chất

Các vị thuốc trong thang phải khô, sạch, có mùi thơm. Thang thuốc có mùi đặc trưng của Độc hoạt.

Định tính

Thang thuốc phải có đủ và đúng các vị thuốc theo công thức.

Tạp chất

Không được có (Phụ lục 12.11).

Độ ẩm

Lấy 3 vị dược liệu bất kỳ trong thang thuốc, xác định độ ẩm theo Phụ lục 12.13 (đối với dược liệu chứa tinh dầu) hoặc theo Phụ lục 9.6 (đối với dược liệu khác). Các vị thuốc phải đạt yêu cầu về độ ẩm qui định ở từng chuyên luận.

Đồng đều khối lượng

Đối với từng vị thuốc: Khối lượng trên nhãn $\pm 10\%$ (đối với vị có khối lượng ≤ 10 g) hoặc $\pm 7,5\%$ (đối với vị có khối lượng > 10 g).

Đối với thang thuốc: Khối lượng trên nhãn $\pm 7,5\%$. Lấy 5 thang thuốc để thử.

Bảo quản

Nơi khô mát.

Công năng, chủ trị

Ích can thận, bổ khí huyết, khu phong tán hàn trừ thấp, thông kinh hoạt lạc. Chủ trị: Can, thận đều hư, phong hàn thấp gây đau nhức mỏi, thắt lưng, đầu gối, các chi dưới co duỗi khó khăn, cảm giác nặng nề.

Cách dùng, liều lượng

Thuốc sắc, ngày uống 1 thang, uống trước bữa ăn.

HOÀN AN THAI**Công thức**

Cao ban long (<i>Cervi Cornus Colla</i>)	16 g
Sa nhân (<i>Amomi Fructus</i>)	20 g
Hoài sơn (<i>Dioscoreae persimilis Tuber</i>)	120 g
Thục địa (<i>Rehmanniae glutinosae Radix Praeparata</i>)	80 g
Trữ ma căn (<i>Boehmeriae niveae Radix</i>)	80 g
Tô ngạnh (<i>Perillae frutescentis Caulis</i>)	12 g
Hương phụ (<i>Cyperi Rhizoma</i>)	20 g
Tục đoạn (<i>Dipsaci Radix</i>)	42 g
Ngải cứu (<i>Artemisiae vulgaris Herba</i>)	80 g
Trần bì (<i>Citri reticulatae Pericarpium Perenne</i>)	20 g
Mật ong vừa đủ (<i>Mel q.s</i>)	1000 g

Điều chế

Ngải cứu: Loại bỏ tạp chất, rửa sạch, thái ngắn, phơi khô. Tục đoạn: Loại bỏ tạp chất, rửa sạch, thái lát dày 2 mm đến 5 mm, phơi hoặc sấy nhẹ, tẩm với rượu đủ ẩm đều (khoảng 10 %), ủ cho thấm rồi sao vàng xém cạnh.

Hoài sơn, Trữ ma căn, Hương phụ: Chế theo chuyên luận riêng.

Sa nhân, Tô ngạnh, Trần bì: Loại tạp và vi sao.

Các vị thuốc được sấy khô ở nhiệt độ dưới 70 °C, tán bột và trộn đều qua rây số 180.

Thục địa nấu thành cao mềm có hàm ẩm 30 %. Rồi hòa nóng Cao ban long trong cao thục địa. Mật ong cô luyện. Cứ 100 g bột dùng 90 g đến 120 g cao Thục địa - Cao Ban long và Mật ong.

Tất cả được trộn nóng tạo thành khối bột dẻo rồi chia thành viên 9 g.

Chế phẩm phải đáp ứng các yêu cầu trong chuyên luận “Thuốc hoàn” Phụ lục 1.11 và các yêu cầu sau:

Tính chất

Hoàn mềm hình cầu nhuận dẻo, màu nâu đen bóng, đường kính 20 mm đến 22 mm, vị ngọt đắng nhẹ, thơm mùi Ngải cứu và Hương phụ.

Định tính

A. Soi bột: Lông che chờ đầu đa bào 3 tế bào dài 13 µm đến 15 µm, chân đơn bào dài 3 µm đến 6 µm (hình chữ T). Các tinh thể calci oxalat hình cầu có đường kính 5 µm đến 9 µm. Đám tế bào tiết tinh dầu chứa 3 đến 4 tế bào có đường kính 5 µm đến 20 µm. Túi tinh dầu nằm rải rác có đường kính 30 µm đến 40 µm. Mạch điểm rộng khoảng 30 µm.

B. Định tính Sa nhân

Phương pháp sắc ký lớp mỏng (Phụ lục 5.4).

Bản mỏng: *Silica gel G*.

Dung môi khai triển: *Toluen - ethyl acetat* (7 : 3).

Dung dịch thử: Lấy 20 g chế phẩm đã cắt nhỏ, thêm 40 ml *ethanol* (TT), ngâm 4 h, lọc, để bay hơi dịch lọc ở nhiệt độ phòng đến cạn. Hòa tan cần trong 1 ml *ethanol* (TT) được dung dịch chấm sắc ký.

Dung dịch đối chiếu: Lấy 0,4 g Sa nhân (mẫu chuẩn), thêm 10 ml *ethanol* (TT), ngâm trong 4 h, lọc. Để bay hơi tự nhiên dịch lọc đến cạn. Hòa tan cần trong 1 ml *ethanol* (TT) được dung dịch chấm sắc ký.

Cách tiến hành: Chấm riêng biệt lên bản mỏng 10 µl mỗi dung dịch trên. Triển khai sắc ký cho đến khi dung môi đi được khoảng 12 cm, lấy bản mỏng ra, để khô ở nhiệt độ phòng. Quan sát dưới ánh sáng tử ngoại ở bước sóng 366 nm. Trên sắc ký đồ của dung dịch thử phải có 3 vết tương đương về vị trí và cùng màu với 3 vết trên sắc ký đồ của dung dịch đối chiếu.

C. Định tính Ngải cứu

Phương pháp sắc ký lớp mỏng (Phụ lục 5.4).

Bản mỏng: *Silica gel G*.

Dung môi khai triển: *Toluen - ethyl acetat - aceton - acid fomic* (15 : 2 : 2 : 1).

Dung dịch thử: Lấy 10 g chế phẩm đã cắt nhỏ, thêm 50 ml nước, đun sôi trong 1 h. Để nguội, lọc, cô dịch lọc trong cách thủy đến cạn. Hòa tan cần trong 10 ml *ethyl acetat* (TT). Lọc, cô dịch lọc trên cách thủy tới cạn, hòa tan cần trong 1 ml *ethanol* (TT).

Dung dịch đối chiếu: Lấy 1 g Ngải cứu (mẫu chuẩn) đã cắt nhỏ, thêm 50 ml nước và tiến hành chiết như mô tả ở phần Dung dịch thử.

Cách tiến hành: Chấm riêng biệt lên bản mỏng 20 µl mỗi dung dịch trên. Triển khai sắc ký cho đến khi dung môi đi được khoảng 12 cm, lấy bản mỏng ra, để khô ở nhiệt độ phòng, quan sát dưới ánh sáng tử ngoại bước sóng 366 nm. Trên sắc ký đồ của dung dịch thử phải có các vết tương đương về vị trí và cùng màu với các vết trên sắc ký đồ của dung dịch đối chiếu.

Độ ẩm

Không được quá 15,0 % (Phụ lục 12.13).

Định lượng chất bay hơi

Cân chính xác khoảng 100 g chế phẩm đã cắt nhỏ cho vào bình cầu. Tiến hành định lượng chất bay hơi trong chế phẩm theo phương pháp định lượng tinh dầu trong dược liệu (Phụ lục 12.7).

Chất bay hơi thu được trong chế phẩm xác định theo công thức:

$$X(\%) = \frac{(V_2 - V_1) \times 100}{m}$$

Trong đó:

V_1 là thể tích *xylene* (TT) cho vào bình hứng (1 ml);

V_2 là thể tích tinh dầu và *xylene* đọc được cuối cùng;

m là khối lượng mẫu cất chất bay hơi (g).

Chế phẩm phải chứa ít nhất 0,08 % chất bay hơi.

Bảo quản

Trong lọ kín, để nơi khô mát, tránh mốc mọt.

Công năng, chủ trị

An thai, dưỡng huyết, chỉ huyết. Chủ trị: Các trường hợp động thai, rong huyết, mất môi, nôn, hoa mắt, chóng mặt, tiểu tiện vàng, đại tiện táo.

Cách dùng, liều lượng

Dùng 2 lần một ngày, mỗi lần 1 viên, uống với nước ấm.

HOÀN BÁT TRẦN

Công thức

Đảng sâm (<i>Codonopsis Radix</i>)	100 g
Đương quy chích rượu (<i>Angelicae sinensis Radix Praeparata</i>)	100 g
Bạch truật sao cảm (<i>Atractylodis macrocephalae Rhizoma praeparatum</i>)	100 g
Bạch thược (<i>Paeoniae Radix Alba</i>)	100 g
Bạch linh (<i>Poria</i>)	100 g
Xuyên khung (<i>Chuanxiong Rhizoma</i>)	100 g
Cam thảo (<i>Glycyrrhizae Radix et Rhizoma</i>)	50 g
Thục địa (<i>Rehmanniae glutinosae Radix Praeparata</i>)	100 g
Mật ong vừa đủ (<i>Mel q.s</i>)	

Bào chế

Sấy khô các vị thuốc ở nhiệt độ dưới 70 °C và nghiền thành bột mịn, trộn đều thành bột kép, rây qua rây số 180. Nếu làm hoàn cứng, lấy 100 g bột kép, thêm 40 g đến 50 g mật luyện hòa loãng trong lượng nước sôi thích hợp, gây nhân, làm hoàn cứng và sấy khô. Nếu làm hoàn mềm, cứ 100 g bột kép, thêm 110 g đến 140 g mật ong luyện nóng, trộn mềm nhuyễn, chia viên hoàn 9 g.

Chế phẩm phải đáp ứng các yêu cầu trong chuyên luận “Thuốc hoàn” (Phụ lục 1.11) và các yêu cầu sau:

Tính chất

Hoàn cứng màu đen hơi nâu.

Hoàn mềm màu đen hay nâu hơi đen, mềm, nhuyễn, có vị ngọt và hơi đắng.

Định tính

A. Định tính Bạch linh, Cam thảo: Soi bột chế phẩm dưới kính hiển vi với độ phóng đại thích hợp, so sánh với bột mẫu chuẩn của Bạch linh và Cam thảo, bột chế phẩm phải có các khối phân nhánh không đều, không màu; sợi nấm